

Số: 48/2020/ HNGĐ-ST
Ngày: 30- 7- 2020
Về việc: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà NGUYỄN THU T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà VÕ THỊ MỸ N
2. Bà HUỖNH THỊ C

- Thư ký phiên tòa: Ông NGÔ MINH B - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L tham gia phiên tòa: Bà HUỖNH THỊ YẾN N - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:84/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2020 về việc “xin ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXX-STHNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Ông Trần Khánh D, sinh năm 1991 (có mặt)

Cư trú tại nhà số 182 ấp Thanh T, xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến T.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Tất Thanh T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cư trú tại nhà số 83/14 khóm 3, Phường 3 thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 10/3/2020, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, con chung, tài sản và nợ tài sản.

Ông D và bà T quen biết nhau và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến T vào ngày 20/3/2017. Sau cưới, vợ chồng ở nhà trọ tại Khu công nghiệp Hòa Phú, khi bà T sinh con thì về sinh sống tại xã Định Thủy cho đến tháng 4 năm 2018, bà T bỏ nhà đi cho đến nay. Gia đình hai bên đã hòa giải Nều lần nhưng không giải quyết được mâu thuẫn, ông D xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn. Ông D làm việc có mức thu nhập 6.500.000 đồng/tháng, khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung Trần Tiểu M sinh ngày 12/4/2017, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ tài sản đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng, nhận hợp lệ ngày 27/4/2020, ngày 15/5/2020 về việc thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 13/5/2020 và ngày 08/6/2020

nhưng vắng mặt, không lý do; Thông báo kết quả công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/6/2020 nhưng không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D không có tài liệu chứng cứ gì mới để xuất trình. ông D khai, vợ chồng cưới nhau vào năm 2016, đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã Định Thủy. Sau cưới vợ chồng ở nhà trọ và làm việc tại Khu công nghiệp Hòa Phú, khi bà T sinh con thì về Bến T sinh sống, cho đến tháng 4 năm 2018 bà T rời khỏi nhà về Vĩnh L sinh sống cho đến nay. Do bà T có tương tác facebook và nhắn tin nhưng khi được hỏi ai thì không cho biết thông tin. Từ đó vợ chồng cự cãi nhau, bà T một mình bỏ về Vĩnh L sinh sống tại nhà của bà nội và cha ruột Nguyễn Tất Linh cho đến nay. Thời điểm ly thân, Tiểu M mới 01 tuổi, ông D có đến nhà tìm bà T nhưng không có nhà và cũng không có liên lạc với ông D. Nay yêu cầu được ly hôn với bà T; Yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Trần Tiểu M sinh ngày 12/4/2017, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ tài sản, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vắng mặt bà T, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm lần nhất vào ngày 15/6/2020 và lần hai vào ngày 06/7/2020, để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần nhất ngày 30/6/2020 và lần hai vào ngày 30/7/2020 nhưng bà T vắng mặt, không có lý do.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L, phát biểu:** Từ khi thụ lý cho đến quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự thủ tục tố tụng khác trong quá trình thụ lý, xét xử sơ thẩm đều tuân theo pháp luật qui định.

Về nội dung vụ kiện, đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D. Căn cứ Điều 81 Luật HNGĐ ông D được tiếp tục nuôi con Trần Tiểu My và ghi nhận tự nguyện của ông D, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ tài sản, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí sơ thẩm, ông D phải chịu tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- Bà T đã nhận các văn bản tố tụng tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Hôn nhân giữa ông D và bà T có đăng ký kết hôn là đã tuân thủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ ngày 20/3/2017. Xét nguyên nhân ông D ly hôn là do đôi bên có bất đồng quan điểm và ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Như vậy, cho thấy các bên đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Còn đối với bà T, đã được Tòa án đã tổng đạt để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản phản hồi thông báo thụ lý vụ án nên phải chịu mọi hậu quả do không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, yêu cầu ly hôn của ông D là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về con chung, căn cứ biên bản xác minh tại địa phương và xác nhận của cơ quan Công an nhân dân phường 3 thành phố Vĩnh L cùng ngày 11/6/2020 thì hiện tại bà T không thường xuyên sinh sống tại nhà số 83/14 cũng không có đăng ký hộ khẩu hoặc tạm trú cho Trần Tiểu M. Hiện tại ông D đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu My. Do đó, ông D yêu cầu được tiếp tục nuôi con là có căn cứ. Ông D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này là phù hợp với Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông D và bà T phải tuân thủ các Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”; “Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

[4]. Về tài sản chung và nợ tài sản: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Vì vậy, ông D phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số N⁰0005297 ngày 20/3/2020 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L; ông D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Bà T không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự và sơ thẩm hôn nhân.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

I. Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

- **Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa ông Trần Khánh D và bà Nguyễn Tất Thanh T.

- **Về con chung:** Ông D được tiếp tục nuôi con chung Trần Tiểu M sinh ngày 12/4/2017; Ghi nhận sự tự nguyện của ông D, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Bà T được quyền tới thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở.

- **Về tài sản chung, nợ tài sản:** Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

II. Về án phí sơ thẩm: Ông D phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp, theo biên lai số N⁰0005297 ngày 20/3/2020 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L; Ông D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình; Bà T không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự và sơ thẩm hôn nhân.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Đối với đương sự có mặt thì kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)
NGUYỄN THU T

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS cùng cấp
- T.H. Cùng cấp;
- UBND xã, phường
- Lưu hồ sơ